

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ - ST
Ngày 06- 5 - 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Võ Quốc Quân.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/TB – TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Trung Đ, sinh năm 1989; cư trú tại Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1996; cư trú tại Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04 tháng 02 năm 2020 anh Trần Trung Đ trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, không quan tâm thương yêu lẫn nhau, thường hay cự cãi. Hiện nay anh và chị T đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị T.

Về con chung: Anh và chị Huỳnh Thị T có 01 người con chung tên: Trần Nhật H, sinh ngày 08/02/2013 hiện nay đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn anh thống nhất tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 08 tháng 3 năm 2020 chị Huỳnh Thị T trình bày: Chị đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N có liên quan đến chị, chị xác định hiện nay hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh Trần Trung Đ.

Về con chung: Chị và anh Trần Trung Đ có một người con chung tên Trần Nhật H, sinh ngày 08/02/2013 hiện nay đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên chị đề nghị xin Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Trần Trung Đ có mặt vẫn bảo lưu quan điểm không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Trần Trung Đ và bị đơn chị Huỳnh Thị T Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Huỳnh Thị T có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Huỳnh Thị T tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Trung Đ và chị Huỳnh Thị T được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa anh

Trần Trung Đ và chị Huỳnh Thị T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặt dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh Đ và chị T đã sống ly thân với nhau. Anh Đ xác định hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị T. Tại đơn vắng mặt ngày 08/3/2020 chị T đồng ý ly hôn với anh Đ. Tại phiên toa ngày hôm nay anh Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị T. Xét thấy hôn nhân của anh Đ và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị T.

[4] Về con chung anh Đ và chị T có một người con chung tên: Trần Nhật H, sinh ngày 08/02/2013 hiện nay đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Đ thống nhất tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay Trần Nhật H đang sống cùng chị T vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, chị T anh Đ đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng do đó cần tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Đ phải nộp 300.000 đồng. Anh Đ đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị T tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Trung Đ đối với chị Huỳnh Thị T.

Giao một người con chung tên: Trần Nhật H, sinh ngày 08/02/2013 hiện nay đang sống cùng chị T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Trung Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Huỳnh Thị T.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Trung Đ phải nộp 300.000 đồng. Anh Trần Trung Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006040 ngày 04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

